TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 219/2018/HNGĐ-ST. Ngày 30 – 8 – 2018. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Ngọc.

Ông Tạ Hồng Thái.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Hoàng Em. Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128A/2018/QĐST - HNGĐ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ T.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Lợi, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 06 tháng 4 năm 2018, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 22/01/2010 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên chị T về nhà mẹ ruột sống, anh N có qua nhà mẹ ruột chị T sống nhưng vẫn không hợp nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2009. Hiện đang sống với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2009. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Mỹ T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn N đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh Lê Văn N vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị Mỹ T có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T và anh N (bản sao); giấy khai sinh con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2009 (Bản sao); anh Lê Văn N không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Mỹ T và anh Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống không phù hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý hòa giải và anh N cũng không đến Tòa án theo thông báo nên không hòa giải được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Trần Thị Mỹ T cương quyết xin ly hôn, không tự nguyện chung sống với anh Lê Văn N được nữa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Văn N.

[2] *Về con chung*: Có một con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2009. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có ý kiến. Xét thấy cháu Lê Thị Như Q hiện nay đã 11 tuổi nên được quyền lựa chọn sống với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì nguyện vọng của cháu Lê Thị Như Q là muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung

tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2009 cho chị Trần Thị Mỹ T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Lê Văn N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mỹ T chưa có yêu cầu. Anh Lê Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trần Thị Mỹ T khai không có và anh Lê Văn N cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị Mỹ T phải chịu.

[5] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn N là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2009. Anh Lê Văn N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Mỹ T chưa có yêu cầu. Anh Lê Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Trần Thị Mỹ T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Mỹ T đã nộp theo biên lai thu số 0015988 ngày 09/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND xã Hỏa Lựu, TP. Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện